* Citizenship : the [state](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/state) of being a [member](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/member) of a [particular](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/particular) [country](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/country) and having [rights](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/rights) because of it
* Sneak peek: nhìn trộm
* go hand in hand: đi cùng với nhau
* solid foundation: nền móng vững chắc
* at large: in general
* glimpse: cái nhìn lướt qua
* forefront : hàng đầu
* oversight (n) , oversee (v) giám sát
* jot down: to write something [quickly](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/quick) on a [piece](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/piece) of [paper](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/paper) so that you [remember](https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/remember) it
* scalpel (n) dao mổ
* coercive (adj) cưỡng bức
* dignity (n) phẩm giá
* jurisdiction (n) the official power to make legal decisions and judgments ( quyền lực pháp lí)
* obligation (n) nghĩa vụ
* outlier (n) ngoại lệ
* corroborate (v) chứng thực ( give proof to sth)
* crooked : cong , vẹo
* skew (n,v) nghiêng
* roller coaster : tàu lượn siêu tốc
* jumble (adj) lộn xộn
* denizen (n) inhabitant
* concession (n) sự nhượng bộ
* augment (v) increase
* on a routine basis = on a regular basis : means something that happens all the time.
* scrambled (adj) xáo trộn
* per se : intrinsically
* agency: the ability to take action or to choose what action to take.
* Ramification: the possible results of an action.
* Collate (v) đối chiếu
* Inequity (n) sự bất bình đẳng
* Preempt (v) forestall -> ngăn chặn sớm
* Massage (v) : make facts or numbers appear better than they really are in order to deceive someone
* Inception (n) điểm khởi đầu